

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường;*

*Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Xăng dầu
B12 ngày 16 tháng 11 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
893/TTr-TNMT ngày 25 tháng 11 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Xăng dầu B12, địa chỉ xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Đầu tư mở rộng sức chứa và bến xuất ô tô xitéc tại kho Hải Dương (giai đoạn 1 và giai đoạn 2) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Đầu tư mở rộng sức chứa và bến xuất ô tô xitéc tại kho Hải Dương (giai đoạn 1 và giai đoạn 2).

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng đăng ký doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 5700101690 đăng ký lần đầu ngày 09/07/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 05/06/2017.

1.4. Mã số thuế: 5700101690.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh xăng dầu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích sử dụng đất: 85.974,00m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Cụm bể chứa xăng dầu 48.000 m³ có chức năng bơm trung chuyển bằng đường ống và xuất đường bộ bằng ô tô xitéc.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Xăng dầu B12 có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Cẩm Giàng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Xăng dầu B12;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND huyện Cẩm Giàng;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (7b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3276/GPMT-UBND
ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải đề nghị cấp phép

- Nguồn số 01: Nước thải từ nhà hóa nghiệm.
- Nguồn số 02: Nước rửa nền bãi nhiễm dầu.
- Nguồn số 03: Nước rửa bể chứa xăng, dầu.
- Nguồn số 04: Nước rửa các trang thiết bị xuất nhập.
- Nguồn số 05: Nước đũa rửa đường ống.
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên tại khu văn phòng và khu sản xuất.
- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà ăn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải: 01 dòng nước thải từ ao sinh học.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh T1 - Trạm bơm Văn Thai, xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

2.3. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Kênh T1 - Trạm bơm Văn Thai, xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

- Tọa độ xả thải: Tọa độ thoát nước thải (theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): $X(m) = 2319025.61$ $Y(m) = 579787.95$.

- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 205,6 m³/ngày.

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sản xuất sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 200 m³/ngày (24 giờ) và nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ bằng bể phốt chảy vào ao sinh học để tiếp tục xử lý đạt các quy chuẩn cho phép sẽ theo đường ống thoát nước PVC D160, dài 250m, độ dốc 0,3% được bơm cưỡng bức vào Kênh T1 - Trạm bơm Văn Thai, xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Tại điểm xả nước thải sau xử lý Công ty đã lắp biển báo, vị trí cửa xả thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

- Hình thức xả: Xả mặt.

- Chế độ xả nước thải: xả thải gián đoạn. Nước thải sau xử lý được chứa tại ao sinh học, khi nước thải trong ao cách mép ao 50cm, Công ty phối hợp với đơn vị có chức năng thực hiện lấy mẫu nước thải sau xử lý đảm bảo đạt giá trị C của QCVN 29:2010/BTNMT, mức B; giá trị C_{max} của QCVN 14:2008/BTNMT, mức B với giá trị $K = 1,2$ được bơm cưỡng bức ra kênh T1 - Trạm bơm Văn Thai, xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

2.4. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt giá trị C của QCVN 29:2010/BTNMT, mức B; giá trị C_{max} của QCVN 14 :2008/BTNMT, mức B với giá trị $K = 1,2$, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép theo		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 14:2008/BTNMT mức B (giá trị C_{max} với $K = 1,2$)	QCVN 29:2010/BTNMT (mức B)	
1	pH	-	5 - 9	5,5 - 9	Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ
2	TDS	mg/l	1.200	-	
3	TSS	mg/l	120	100	
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60	-	
5	COD	mg/l	-	100	
6	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	12	-	
7	NO ₃ ⁻ -N	mg/l	60	-	
8	PO ₄ ³⁻ -P	mg/l	12	-	
9	S ²⁻	mg/l	4,8	-	
10	Tổng các chất HDBM	mg/l	12	-	
11	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	24	-	
12	Dầu mỡ khoáng	mg/l	-	15	
13	Coliform	MPN/100ml	5.000	-	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ nguồn số 01, 02, 03, 04, 05 được thu gom bằng đường ống bê tông, ống nhựa về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý sau đó tự chảy về ao sinh học để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 06 được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn (tổng dung tích bể tự hoại 20 m³), sau đó theo đường ống tự chảy về ao sinh học để xử lý.

- Nguồn số 07 được xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ có thể tích 0,5 m³, sau đó theo đường ống tự chảy về ao sinh học để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải nhiễm dầu → Bể chứa nước thải và gạn sơ bộ → Thiết bị tách dầu VH - B12 → Bể xử lý nước thải bằng vi sinh kỵ khí → Bể xử lý nước thải vi sinh hiếu khí → Ao sinh học → Kênh T1.

- Công suất thiết kế hệ thống: 200 m³/ngày đêm.

- Sơ đồ công nghệ ao sinh học thể tích 3.000 m³: Ao sinh học (ngăn số 1) → Ao sinh học (ngăn số 2) → Ao sinh học (ngăn số 3) → Kênh T1.

- Hóa chất sử dụng: Chất thấm và phân hủy sinh học dầu khối lượng 5 kg/tháng (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

+ Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng (máy bơm, máy thổi khí,...) để thay thế sử dụng ngay khi có sự cố hỏng thiết bị.

+ Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất.

+ Cập nhật đầy đủ nhật ký vận hành các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố sớm nhất.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách kỹ thuật tại Công ty hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng nước thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.

+ Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn phải ngưng hoạt động hệ thống để tiến hành kiểm tra, sửa chữa.

+ Khi xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ tại bể gom của hệ thống xử lý nước thải, sau khi hệ thống được sửa chữa hoàn tất nước thải sẽ được bơm trở lại quy trình xử lý (thời gian lưu giữ 24 giờ).

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận, lưu chứa nước thải tại bể chứa nước thải nhiễm dầu và gạt sơ bộ của hệ thống để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý, sau khi khắc phục sự cố sẽ bơm về thiết bị tách dầu cơ học VH - B12 tiếp tục quy trình xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP (do hệ thống xử lý nước thải của Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành tại văn bản số 238/GXN-STNMT ngày 24/12/2013 và quá trình điều chỉnh dự án theo Giấy phép môi trường này không thay đổi về hệ thống xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.4 Phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Trong quá trình xả thải vào kênh tiếp nhận nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước kênh, Công ty phải báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của kho xăng dầu.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của kho xăng dầu.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.43 Phần A của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3276/GPMT-UBND
ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn 1: Từ nhà xuất dầu ô tô xitec.
- Nguồn 2: Từ nhà giao dịch, bán hàng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰.

TT	X (m)	Y (m)
Nguồn ồn 1	2319255.30	579517.67
Nguồn ồn 2	2318914.22	579320.98

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy móc thiết bị và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

1.2. Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như quần áo

bảo hộ lao động, giày, mũ, găng tay, kính mắt, khẩu trang, bịt tai chống ồn.

1.3. Trồng cây xanh quanh khuôn viên Dự án theo đúng quy hoạch được duyệt.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3276/GPMT-UBND
ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Chất thải lẫn dầu (<i>chất hấp thụ, ...</i>)	3.000	19 07 01	KS
2	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) (<i>cút inox, khớp nối inox áp lực, ...</i>)	60	18 01 02	KS
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải (<i>cút nhựa, can nhựa dính dầu, ...</i>)	360	18 01 03	KS
4	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác (<i>vỏ chai thủy tinh, bình hóa nghiệm xăng dầu thải</i>)	36	18 01 04	KS
5	Chất hấp thụ (<i>đất cát nhiễm dầu, ...</i>), vật liệu lọc giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (<i>giẻ lau, găng tay, gioăng đệm mặt bích không có Amiăng, con niêm nhựa dính nhiễm dầu, ...</i>)	1.200	18 02 01	KS
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	12	16 01 06	NH
7	Thiết bị điện, bóng đèn led thải	12	16 01 13	NH
8	Pin, ắc quy chì thải	6	19 06 01	NH
9	Bùn thải từ HXTL nước thải nhiễm dầu	2.892	12 06 05	KS
	Tổng khối lượng	7.578		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường: Không phát sinh.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	16,9
	Tổng khối lượng	16,9

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Trang bị các dụng cụ di động để thu gom chất thải như các thùng rác bằng nhựa có nắp đậy (10 chiếc loại 100 lít/thùng), xe bò có thùng kín (02 cái), xô, thùng nhựa (20 cái) và gầu hót, chổi,...

- Trang bị 09 thùng nhựa loại 220 lít/thùng, bên ngoài dán nhãn phân loại và cảnh báo đặt tại khu vực lưu chứa CTNH.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: Diện tích 67,7m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường xây gạch, mái lợp tôn, nền bê tông, có cửa ra vào kiểm soát; được chia thành các ngăn, có rãnh thoát nước và váng dầu vào hệ thống xử lý nước thải; bên ngoài cửa mỗi khu vực được dán các biển cảnh báo; bố trí thiết bị PCCC (2 bình bột MF24, 1 bình MT3, 1 xô cát, 1 xẻng).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu chứa: Không bố trí kho lưu giữ.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3276/GPMT-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả công việc. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đảm bảo nước thải sau xử lý đạt giá trị cho phép theo mức A Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT; mức A Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu - QCVN 29: 2010/BTNMT khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền./.